TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **579**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Trung U**

Bà Nguyễn Thị L

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và Chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Chương Mỹ ngày 23 tháng 03 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân được 4 năm nay. Nay Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 16/12/2006 và cháu Nguyễn Huyền A, sinh ngày 15/11/2009. Nguyện vọng của Anh T là xin nuôi cháu Nguyễn Hiền N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Vũ Thị D trình bày theo Bản tự khai ngày 13/10/2022 và ngày 02/11/2022 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và Anh T trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã B. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay Anh T nộp đơn xin ly hôn, Chị D đồng ý.

Chị D đề nghị Anh T phải bồi thường cho chị số tiền là 50.000.000 đồng trong một lần. Khi nào Anh T bồi thường xong cho chị đủ số tiền trên thì chị mới đồng ý giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 16/12/2006; cháu Nguyễn Huyền A, sinh ngày 15/11/2009. Chị D xin được nuôi cháu Huyền A và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị D đang cư trú tại thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, Bị đơn là anh Nguyễn Bá T và chị Vũ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh T, Chị D.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T và chị Vũ Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội năm 2006 nên hôn nhân giữa Anh T và Chị D là hôn nhân hợp pháp. Anh T và Chị D đều xác nhận vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Anh T và Chị D đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của Anh T xin ly hôn Chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về việc Chị D đề nghị Anh T phải bồi thường cho chị số tiền là 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không phù hợp nên không xem xét.

2.2. Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 16/12/2006; cháu Nguyễn Huyền A, sinh ngày 15/11/2009. Hiện tại, cháu Nhi đang ở với Anh T, cháu Huyền A đang ở với Chị D. Nguyện vọng của Anh T xin nuôi cháu Nhi, Chị D xin nuôi cháu Huyền A. Vì vậy, giao cháu Hiền N cho Anh T, giao cháu Huyền A cho Chị D là phù hợp.

Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Chị D yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng. Xét thấy, mỗi người nuôi một đứa và đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên yêu cầu cấp dưỡng của Chị D không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T được ly hôn với chị Vũ Thị D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Bá T và chị Vũ Thị D xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 16/12/2006; cháu Nguyễn Huyền A, sinh ngày 15/11/2009.

Giao cháu Nguyễn Hiền N cho anh Nguyễn Bá T, giao cháu Nguyễn Huyền A cho chị Vũ Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhi, cháu Huyền A trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Bá T và chị Vũ Thị D cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076225 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Nguyễn Bá T, chị Vũ Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã B, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Ngọc T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung U **Nguyễn Thị Thanh H**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Ngọc T